

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ  
THƯƠNG MẠI - VINACOMIN**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2014



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 25
- Phụ lục 01: Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn	26 - 27
- Phụ lục 02: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước	28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **Thông tin chung:**

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Than Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo quyết định số 104/2004/QĐ-BCN ngày 30 tháng 09 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc "Chuyển Công ty Du lịch và Thương mại thành Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Than Việt Nam".

Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại TKV theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 5 số 0103005779 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 6 năm 2007. Nay được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 12 năm 2010. Và đăng ký thay đổi lần thứ 18 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 12 năm 2014.

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### **Thành phần Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông: Vũ Văn Hà	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Bà: Nguyễn Đoan Trang	Thành viên
- Bà: Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên
- Ông: Trần Tất Thành	Thành viên
- Ông: Hoàng Văn Lâm	Thành viên

### **Thành phần Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Hoàng Văn Kiệt	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Vương Ngọc Quảng	Thành viên
- Ông: Bùi Thanh Trường	Thành viên

### **Thành phần Ban Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Nguyễn Đoan Trang	Giám đốc
- Ông: Trần Tất Thành	Phó Giám đốc
- Bà: Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc
- Ông: Nguyễn Thanh Tùng	Phó Giám đốc

### **Cơ cấu tổ chức Công ty**

**Trụ sở của công ty:** Công ty có trụ sở chính tại Tầng 8, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và 03 chi nhánh phụ thuộc chi tiết như sau:

<u>STT</u>	<u>Tên đơn vị phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin - Chi nhánh Văn Long	801 đường Trần Phú, Phường Cẩm Thù, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
2	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin - Chi nhánh Quảng Ninh	Phố Vườn Đào, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
3	Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	226, đường Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

### **Các hoạt động chính của Công ty**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị; Kinh doanh khách sạn, ăn uống, dịch vụ thông quan và vận chuyển thiết bị dự án đầu tư,... Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào đáng kể làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

### **Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm. Trong đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ
- Doanh thu thuần	928.585.857.576
- Lợi nhuận sau thuế	7.857.660.381

### **Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ:**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu trong các Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### **Công ty kiểm toán:**

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã được lựa chọn là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính:**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

### Ý kiến của Ban giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thay mặt Ban Giám đốc  
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2015





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VNĐ	
			31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>347.418.689.195</b>	<b>289.328.307.464</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>58.090.937.735</b>	<b>66.703.419.245</b>
1. Tiền	111		47.936.554.089	12.703.419.245
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.154.383.646	54.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>171.461.465.095</b>	<b>145.578.717.548</b>
1. Phải thu khách hàng	131		131.378.927.345	143.509.191.894
2. Trả trước cho người bán	132		38.278.653.631	1.238.553.262
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2	2.232.929.653	2.362.217.926
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(429.045.534)	(1.531.245.534)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.3	<b>113.725.691.754</b>	<b>71.832.150.635</b>
1. Hàng tồn kho	141		113.725.691.754	71.832.150.635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.140.594.611</b>	<b>5.214.020.036</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	266.672.464	37.490.841
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.682.543.607	3.420.420.816
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		22.730.118	1.632.132.753
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	168.648.422	123.975.626
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.941.655.397</b>	<b>34.973.435.485</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.176.308.754</b>	<b>10.927.338.063</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	9.079.997.665	10.755.896.422
- Nguyên giá	222		29.267.136.506	28.907.136.506
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.187.138.841)	(18.151.240.084)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	96.311.089	171.441.641
- Nguyên giá	228		554.050.000	554.050.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(457.738.911)	(382.608.359)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.765.346.643</b>	<b>24.046.097.422</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	24.515.131.365	23.790.974.437
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.9	250.215.278	255.122.985
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>381.360.344.592</b>	<b>324.301.742.949</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Tiếp theo)			Đơn vị tính: VNĐ	
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>339.476.225.325</b>	<b>284.264.165.530</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>331.291.057.592</b>	<b>273.885.448.117</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	95.739.548.056	54.372.907.507
2. Phải trả người bán	312		162.684.062.176	171.487.084.549
3. Người mua trả tiền trước	313		28.278.812.475	31.461.380
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.11	833.535.302	4.337.472.910
5. Phải trả người lao động	315		7.185.771.855	10.218.421.223
6. Chi phí phải trả	316	V.12	707.681.036	453.354.949
7. Phải trả nội bộ	317	V.13	7.726.750.013	8.904.684.200
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	2.615.067.089	2.016.205.135
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.15	16.812.937.285	15.089.921.278
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		8.706.892.305	6.973.934.986
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>8.185.167.733</b>	<b>10.378.717.413</b>
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.16	8.185.167.733	10.378.717.413
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.884.119.267</b>	<b>40.037.577.419</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>41.647.082.624</b>	<b>39.753.133.447</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.560.000	19.497.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	1.949.797.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.638.835.236	16.107.440.194
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	2.108.425.374
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.687.388	89.500.879
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>237.036.643</b>	<b>284.443.972</b>
2. Nguồn kinh phí	422		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423		237.036.643	284.443.972
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>381.360.344.592</b>	<b>324.301.742.949</b>





